

Số: 27/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính Phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 27 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 – 2020;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 với các nội dung như sau:

1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công năm 2020

a) Bố trí trả nợ vay; tất toán các công trình đã quyết toán;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020; các công trình chuyển tiếp (dự án nhóm C vốn bố trí không quá 3 năm; nhóm B vốn bố trí không quá 5 năm);

c) Bố trí vốn phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố (theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, tỉnh Bình Phước);

d) Các dự án khởi công mới phải đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. Dự án có trong kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và đến ngày 31 tháng 10 năm 2019 đã được phê duyệt dự án;

đ) Ưu tiên bố trí vốn cho hạ tầng giao thông; xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2021 – 2025;

e) Các chủ đầu tư phải thực hiện đấu thầu qua mạng theo kế hoạch tổng thể và lộ trình được phê duyệt nhằm đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong hoạt động xây dựng góp phần đảm bảo, nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hiệu quả của các dự án đầu tư.

2. Nguồn vốn được phân bổ: 4.475 tỷ 167 triệu đồng (chi tiết tại biểu tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm 2020), bao gồm:

a) Vốn ngân sách địa phương: 3.850 tỷ 450 triệu đồng;

b) Vốn ngân sách trung ương: 624 tỷ 717 triệu đồng.

3. Phương án phân bổ

3.1. Vốn ngân sách địa phương: 3.850 tỷ 450 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 1), bao gồm:

3.1.1. Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức: 546 tỷ 450 triệu đồng.

Bao gồm:

- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi giai đoạn 2011 - 2015: 31 tỷ đồng;

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 258 tỷ đồng;

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007: 7 tỷ 500 triệu đồng;

- Vốn thực hiện dự án: 223 tỷ 200 triệu đồng;

Trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp: 104 tỷ đồng;

+ Dự án khởi công mới: 119 tỷ 200 triệu đồng.

- Vốn lập quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch: 13 tỷ 200 triệu đồng;

- Vốn tất toán các công trình đã quyết toán (chi tiết tại PL 1.1): 13 tỷ 550 triệu đồng.

3.1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 2.667 tỷ đồng.

Bao gồm:

- Vốn huyện, thị xã, thành phố quản lý: 1.268 tỷ đồng;
- Vốn tỉnh quản lý: 1.399 tỷ đồng;

Trong đó:

- + Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số: 75 tỷ 200 triệu đồng;
- + Vốn thực hiện dự án: 724 tỷ 800 triệu đồng;

Bao gồm:

- * Dự án chuyển tiếp: 278 tỷ 700 triệu đồng;
 - * Dự án khởi công mới: 446 tỷ 100 triệu đồng;
 - + Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021- 2025: 20 tỷ đồng;
 - + Tạm mượn tiền SĐĐ năm 2020 để bổ vốn cho các dự án sử dụng vốn thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước (chi tiết tại phụ lục 1.2): 579 tỷ đồng.
- 3.1.3. Vốn xổ số kiến thiết: 637 tỷ đồng.

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 355 tỷ 700 triệu đồng;
 - Dự án khởi công mới: 281 tỷ 300 triệu đồng.
- 3.2. Nguồn ngân sách trung ương: 624 tỷ 717 triệu đồng.

Bao gồm:

3.2.1. Vốn trong nước: 581 tỷ 017 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 2)

Trong đó:

a) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 198 tỷ 986 triệu đồng.

Bao gồm:

- Chương trình giảm nghèo bền vững: 18 tỷ 756 triệu đồng;
 - Chương trình nông thôn mới (chi tiết tại PL 2.1): 180 tỷ 230 triệu đồng.
- b) Vốn hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: 67 tỷ 931 triệu đồng;
- c) Vốn các Chương trình mục tiêu bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 269 tỷ 100 triệu đồng;
(trong đó hoàn trả vốn ứng trước là 20 tỷ 830 triệu đồng)
- d) Vốn sử dụng dự phòng chung kế hoạch trung hạn 2016-2020: 40 tỷ đồng;
- đ) Vốn sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia: 5 tỷ đồng.

3.2.2. Vốn nước ngoài (ODA): 43 tỷ 700 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 3)

Trong đó:

- Vốn vay lại của Chính phủ (đường Minh Lập - Lộc Hiệp): 23 tỷ 700 triệu đồng;
- Vốn cấp phát của chương trình điện nông thôn do EU tài trợ: 20 tỷ đồng.

Riêng bố trí vốn cho chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn và xóa 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2020 là 987 tỷ 630 triệu đồng (chi tiết tại phụ lục 1.3).

(Kèm theo bảng tổng hợp, biểu số 1,2,3; phụ lục số 1.1, 1.2, 1.3 và 2.1)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Trai



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)
Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
	TỔNG SỐ	4.475.167	4.431.467	43.700	
		3.850.450	3.850.450	-	
I	Vốn ngân sách địa phương				
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	546.450	546.450		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	2.667.000	2.667.000		
	Khối tỉnh	1.599.000	1.599.000		
	Khối huyện, thị, thành phố	1.068.000	1.068.000		
3	Xổ số kiến thiết	637.000	637.000		
II	Vốn ngân sách trung ương	624.717	581.017	43.700	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	198.986	198.986	-	
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	18.756	18.756		
-	Chương trình nông thôn mới	180.230	180.230		
2	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016	67.931	67.931		
3	Các chương trình mục tiêu	269.100	269.100		
4	Vốn sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	40.000	40.000		
5	Vốn sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia	5.000	5.000		
6	Vốn nước ngoài	43.700		43.700	

Ghi chú: Tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2020 là 2.020 tỷ đồng, trong đó để lại 140 tỷ đồng chi sự nghiệp duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông; 148 tỷ đồng chi sự nghiệp hạ tầng công nghệ thông tin; 100 tỷ đồng cho quỹ an sinh xã hội; đầu tư sự nghiệp y tế 13 tỷ đồng; đầu tư sự nghiệp văn hóa 20 tỷ đồng; còn lại bố trí đầu tư công năm 2020 là 1.599 tỷ đồng.



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP			Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
	TỔNG CỘNG		3.469.946	2.983.970	4.576.750	2.219.332	3.850.450	546.450	2.667.000	637.000	
A	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015				406.950	375.950	31.000	31.000			
B	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố				1.196.000	816.810	1.526.000	258.000	1.268.000		
I	Thành phố Đồng Xoài						145.200	25.200	120.000		
	Trong đó:						-				
	Thành phố đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						36.000		36.000		
II	Thị xã Bình Long						106.800	22.800	84.000		
	Trong đó:						-				
	Thị xã đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						25.200		25.200		
III	Thị xã Phước Long						175.500	20.500	155.000		
	Trong đó:						-				
	Thị xã đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						46.500		46.500		
IV	Huyện Đồng Phú						183.900	23.900	160.000		
	Trong đó:						-				
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						48.000		48.000		
	Tỉnh hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm huyện						100.000		100.000		UBND huyện phải báo cáo xin chủ trương của TTTU và UBND tỉnh trước khi giao chi tiết KH vốn
V	Huyện Bù Đăng						93.940	26.940	67.000		
	Trong đó:						-				
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						20.100		20.100		
VI	Huyện Bù Gia Mập						53.420	23.420	30.000		
	Trong đó:						-				
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						9.000		9.000		
VII	Huyện Chơn Thành						366.000	23.000	343.000		
	Trong đó:						-				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP							
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						102.900		102.900		
	Tỉnh hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông để đưa huyện lên thị xã						100.000		100.000		UBND huyện phát báo cáo xin chủ trương của TTTU và UBND tỉnh trước khi giao chi tiết KH vốn
							66.000	23.000	43.000		
VIII	Huyện Hớn Quản						-				
	Trong đó:						12.900		12.900		
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						87.800	25.800	62.000		
IX	Huyện Lộc Ninh						-				
	Trong đó:						18.600		18.600		
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						99.230	21.230	78.000		
X	Huyện Bù Đốp						-				
	Trong đó:						23.400		23.400		
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						148.210	22.210	126.000		
XI	Huyện Phú Riềng						-				
	Trong đó:						37.800		37.800		
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%										
C	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo				86.700		75.200		75.200		Giao Ban chỉ đạo tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết
D	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)				37.500	30.000	7.500	7.500			Giao Ban chỉ đạo tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết
E	Vốn thực hiện dự án		3.409.946	2.923.970	2.826.400	986.572	1.585.000	223.200	724.800	637.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2020		1.007.417	801.241	1.779.100	979.872	738.400	104.000	278.700	355.700	
I	Nông nghiệp-nông thôn		-	-	1.039.000	627.200	411.800	-	141.800	270.000	
1	Hạ tầng các xã nông thôn mới và trả nợ mua xi măng ứng trước				756.000	486.000	270.000			270.000	Giao Văn phòng điều phối CTMTQG XD NTM phối hợp Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết
										150.000	
1.1	Hỗ trợ các xã nông thôn mới									120.000	
1.2	Trả nợ mua xi măng ứng trước năm 2019										
2	Hỗ trợ xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn năm 2020				283.000	141.200	141.800		141.800		Giao Văn phòng điều phối CTMTQG XD NTM phối hợp Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP							
II	Giao thông -vận tải & Hạ tầng đô thị		839.360	633.184	575.100	268.950	245.600	104.000	111.900	29.700	
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	150.000	150.000	79.000	70.800	70.800			UBND TP Đồng Xoài
2	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	40.000	40.000	25.000	15.000			15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kía, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập	2456/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	98.000	98.000	84.600	43.000	41.600		41.600		UBND huyện Bù Gia Mập
4	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh (NSDP đối ứng)	991/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 134/HĐND-KT ngày 1/7/2019	80.000	25.000	25.000		25.000		25.000		UBND huyện Lộc Ninh
5	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng (NSDP đối ứng)	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 134/HĐND-KT ngày 1/7/2019	80.000	14.000	14.000		14.000		14.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (NSDP đối ứng)	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017; 134/HĐND-KT ngày 1/7/2019	80.000	3.000	3.000		3.000		3.000		UBND huyện Phú Riềng
7	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	245.000	245.000	200.000	83.000	57.000	33.200	23.800		UBND huyện Lộc Ninh
8	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	2850/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	44.684	44.684	45.000	29.950	14.700			14.700	UBND huyện Bù Đăng
9	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN Bắc Đồng Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	21.676	13.500	13.500	9.000	4.500		4.500		UBND huyện Đồng Phú
III	Giáo dục - Đào tạo		119.857	119.857	120.000	63.722	56.000	-	-	56.000	
1	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	2480/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	119.857	119.857	120.000	63.722	56.000			56.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Quốc phòng - An ninh		48.200	48.200	45.000	20.000	25.000	-	25.000	-	
1	Nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.200	48.200	45.000	20.000	25.000		25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
	Dự án khởi công mới năm 2020		2.402.529	2.122.729	1.047.300	6.700	846.600	119.200	446.100	281.300	
I	Công nghiệp		30.000	30.000	30.000	-	29.800	-	-	29.800	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP							
1	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I	2267/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	15.000	15.000		15.000			15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Chơn Thành 2	2272/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	15.000	15.000	15.000		14.800			14.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
			1.626.429	1.424.629	562.100	4.700	463.600	74.200	370.800	18.600	
II	Giao thông -vận tải & Hạ tầng đô thị										
2	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài:	2262/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	34.100	34.100	27.000	500	26.500		26.500		UBND TP Đồng Xoài
3	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	1250/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	15.000	15.000	13.500		13.500	13.500			UBND huyện Bù Gia Mập
4	Xây dựng vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước thải đường Nguyễn Huệ thành phố Đồng Xoài	2263/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	23.488	23.488	20.000		20.000	20.000			UBND TP Đồng Xoài
5	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	180.000	150.000	1.200	105.000		105.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng) TP. Đồng Xoài	2296/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.200	22.200	18.600		18.600			18.600	UBND TP Đồng Xoài
7	xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	100.000	30.000	1.000	29.000		29.000		UBND huyện Phú Riềng
8	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	965.000	965.000	220.000	1.500	168.500	40.700	127.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
9	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (NSDP đối ứng)	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	48.200	48.000		48.000		48.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Nâng cấp đường xã Đồng Tâm đi xã Thuận phú huyện Đồng Phú	2809/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	36.641	36.641	35.000	500	34.500		34.500		UBND huyện Đồng Phú
			55.900	55.900	55.900	-	55.900	-	-	55.900	
III	Y tế						5.500			5.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
1	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy	2358/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	5.500	5.500	5.500		5.500				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP							
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú	2816/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	25.200	25.200	25.200		25.200			25.200	Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh phối hợp với Sở Y tế và huyện Đồng Phú tham mưu điều chỉnh mục tiêu dự án theo hướng nâng cao chất lượng bệnh viện, không tăng quy mô giường bệnh
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành	2778/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	25.200	25.200	25.200		25.200			25.200	Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh phối hợp với Sở Y tế và huyện Chơn Thành tham mưu điều chỉnh mục tiêu dự án theo hướng nâng cao chất lượng bệnh viện, không tăng quy mô giường bệnh
IV	Giáo dục - Đào tạo		358.000	358.000	187.000	1.000	138.000	-	-	138.000	
1	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	2275/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	68.000	68.000	60.000		12.000			12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	2796/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	20.000	20.000	20.000		20.000			20.000	UBND huyện Chơn Thành
3	Trường MN Long Phú, huyện Phú Riềng	2245/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	40.000	40.000	32.000		32.000			32.000	UBND huyện Phú Riềng
4	Xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	150.000	150.000	40.000	1.000	39.000			39.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trường cấp II, III Long Phú, huyện Phú Riềng	2246/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	80.000	80.000	35.000		35.000			35.000	UBND huyện Phú Riềng
V	Văn hóa - Xã hội		222.800	144.800	107.800	1.000	84.800	-	63.800	21.000	
1	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	2487/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	22.000	22.000	22.000		11.000			11.000	Giao UBND huyện Hớn Quản tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 50%, vốn xã hội hóa 50%
2	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	2821/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.000	29.000	22.000	1.000	10.000			10.000	Giao UBND huyện Phú Riềng tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 50%, vốn xã hội hóa 50%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP							
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2264/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	22.000	22.000	22.000		22.000		22.000		UBND huyện Bù Gia Mập
4	Dự án xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	2317/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	120.000	60.000	30.000		30.000		30.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	2323/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	29.800	11.800	11.800		11.800		11.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI	Khoa học - công nghệ		32.400	32.400	29.500	-	29.500	-	11.500	18.000	
1	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	2276/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	19.800	19.800	18.000		18.000			18.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	2277/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.600	12.600	11.500		11.500		11.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VII	Quốc phòng - An ninh		77.000	77.000	75.000	-	45.000	45.000	-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	2312/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.000	52.000	50.000		30.000	30.000			Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	2261/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25.000	25.000	25.000		15.000	15.000			Công an tỉnh
F	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025						20.000		20.000		Sở KHĐT báo cáo 3 thường trực và phân bổ chi tiết sau
G	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	60.000	23.200	10.000	13.200	13.200			Sở KHĐT
H	Tất toán các công trình đã quyết toán						13.550	13.550			Kèm theo chi tiết tại phụ lục 1.1
I	Tạm mượn tiền SDD năm 2020 để bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn thu cổ phần hóa và thoái vốn DNNN						579.000		579.000		Kèm theo chi tiết tại phụ lục 1.2



Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

Ban hành theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng		13.550		
1	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương, tx Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua, huyện Lộc Ninh, Gói 03 + Gói 02	1146/QĐ- UBND ngày 03/6/2019; 1152/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	185	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Cụm công trình tưới, cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1153/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	878	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
3	Trại giống Thủy sản nước ngọt cấp 1 tỉnh Bình Phước	1157/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	229	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
4	Hồ chứa nước Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1158/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	270	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn (giai đoạn 2)	1159/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	615	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
6	Công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn (giai đoạn 1)	1160/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	999	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kê chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cần Đơn, huyện Bù Đốp, Gói 1B + Gói 1A + Gói 3A + Gói 3	1232/QĐ- UBND ngày 11/6/2019; 1233/QĐ- UBND ngày 11/6/2019; 1260/QĐ- UBND ngày 17/6/2019; 1261/QĐ- UBND ngày 17/6/2019	1.328	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xây dựng các tuyến đường trong khu Lâm viên Tp. Đồng Xoài. Đường sỏi đỏ và ủi quang, san lấp mặt bằng	1276/QĐ- UBND ngày 18/6/2019	730	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Gói 1: Km22+569 - Km29+000	1558/QĐ- UBND ngày 26/7/2019	344	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	1574/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	103	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Hạ tầng hạ tầng sân vườn, đường nội bộ và hệ thống điện, nước thuộc khu di tích lịch sử và khu du lịch sinh thái Bộ Chỉ huy Miền Tây (B2)	1575/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	213	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Trường Dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	1576/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	2.366	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1838/QĐ- UBND ngày 30/8/2019	370	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
14	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	1874/QĐ- UBND ngày 9/9/2019	213	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (2017)	1978/QĐ- UBND ngày 23/9/2019	89	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Máy phát điện dung chung cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Phước	2323/TTr- VP.UBND ngày 3/10/2019	516	Văn phòng UBND tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Đo lường và Thử nghiệm	2114/QĐ- UBND ngày 11/10/2019	75	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	XD QL 13 vào trường cao đẳng nghề Bình Phước	81/QĐ-STC ngày 3/6/2019	3.991	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
19	XD đường vào xã Tân Hòa (phần phát sinh)	858/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	36	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư



CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN THU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THOẠI VỐN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)
 ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư TMĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 2016- 2020	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP			
	Tổng số		1.642.834	1.642.834	905.250	579.000	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		1.574.834	1.574.834	845.250	531.000	
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	180.000	140.000	140.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	89.834	80.000	80.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	1647/QĐ-UBND ngày 8/8/2019	140.000	140.000	100.000	100.000	UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp mở rộng đường Minh Hưng - Minh Thạnh, huyện Chơn Thành	2289/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	60.000	60.000	54.000	54.000	UBND huyện Chơn Thành
5	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	140.000	140.000	121.250	107.000	UBND huyện Chơn Thành
6	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	965.000	965.000	350.000	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
II	Giáo dục - Đào tạo		68.000	68.000	60.000	48.000	
1	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	2275/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	68.000	68.000	60.000	48.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

Chương trình XDNTM, làm 1.000km đường GTNT và xóa 1.000 hộ nghèo ĐBDTTS năm 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐN ngày 16 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
	Tổng số	751.500	987.630	
1	Nguồn ngân sách trung ương	92.400	180.230	
2	Nguồn ngân sách tỉnh	362.900	487.000	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trả nợ mua xi măng	75.000	120.000	
	- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn mới	130.000	150.000	
	- Hỗ trợ xây dựng 1.000 km đường GTNT	141.200	141.800	
	- Hỗ trợ giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo	16.700	75.200	
3	Nguồn ngân sách huyện, thị, thành phố	296.200	320.400	

Ghi chú: Năm 2019 số xã về đích NTM là 13 xã; năm 2020 dự kiến là 12 xã



KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019			Kế hoạch năm 2020		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư ; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
	TỔNG CỘNG	-	2.326.166	2.110.957	1.947.176	1.895.376	20.830	843.568	843.568	-	581.017	20.830	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia				532.856	532.856	-	330.500	330.500	-	198.986	-	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				102.256	102.256		83.500	83.500		18.756		Giao Ban chỉ đạo tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				430.600	430.600		247.000	247.000		180.230		Chi tiết PL 2.1
B	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg										67.931		Giao Ban chỉ đạo tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí chi tiết
C	Các chương trình mục tiêu		1.828.166	1.685.957	966.320	937.520	20.830	498.068	498.068	-	269.100	20.830	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		578.930	550.930	525.000	508.000	-	309.810	309.810	-	168.000	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019		578.930	550.930	525.000	508.000	-	309.810	309.810	-	168.000	-	
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000	90.000		70.000	70.000		15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	80.000	66.000	74.000	60.000		25.000	25.000		20.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	80.000	77.000	73.000	70.000		39.000	39.000		31.000		UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		37.000	37.000		33.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	1209/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	45.000	45.000	40.000	40.000		13.000	13.000		17.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	116.930	105.930	106.000	106.000		75.810	75.810		30.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	80.000	80.000	72.000	72.000		50.000	50.000		22.000		UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019			Kế hoạch năm 2020		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư ; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		110.000	110.000	100.000	100.000	-	52.258	52.258	-	5.440	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019		110.000	110.000	100.000	100.000		52.258	52.258	-	5.440	-	
I	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	110.000	100.000	100.000		52.258	52.258		5.440		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	575.216	99.000	99.000	-	45.000	45.000	-	20.000	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		676.725	575.216	99.000	99.000	-	45.000	45.000	-	20.000	-	
I	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000	99.000		45.000	45.000		20.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		110.000	110.000	101.690	101.690	-	28.000	28.000	-	10.000	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		110.000	110.000	101.690	101.690		28.000	28.000	-	10.000	-	
I	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	101.690	101.690		28.000	28.000		10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		45.000	44.100	40.000	40.000		23.000	23.000	-	16.830	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019		45.000	44.100	40.000	40.000		23.000	23.000	-	16.830	-	
I	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	1836/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	45.000	44.100	40.000	40.000		23.000	23.000		16.830		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		55.000	55.000	50.000	50.000		40.000	40.000	-	10.000	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		55.000	55.000	50.000	50.000		40.000	40.000	-	10.000	-	
I	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắc O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000	50.000		40.000	40.000		10.000		Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VII	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội		29.800	18.000	29.800	18.000	-	-	-	-	18.000		
I	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	2323/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	29.800	18.000	29.800	18.000					18.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VIII	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		222.711	222.711	20.830	20.830	20.830	-	-	-	20.830	20.830	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019			Kế hoạch năm 2020		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư ; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
1	Đường liên xã Ngã 3 Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ cứu hộ cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú (đoạn từ ngã 3 Cây diệp đến cầu Cú)	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	97.900	97.900	3.830	3.830	3.830				3.830	3.830	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	2055/QĐ-UBND - 09/10/2012	53.766	53.766	7.000	7.000	7.000				7.000	7.000	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
3	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 5/01/2010	13.228	13.228	4.000	4.000	4.000				4.000	4.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua,thuộc DA đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên	2554/QĐ-UBND ngày 11/9/2010; 977/QĐ-UBND ngày10/6/2013	57.817	57.817	6.000	6.000	6.000				6.000	6.000	Sở NN&PTNT
D	Dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020		450.000	400.000	400.000	400.000	-	-	-	-	40.000	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Hoa Lư	208/HĐND-KT ngày 21/9/2018	450.000	400.000	400.000	400.000					40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
E	Dự án sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia		48.000	25.000	48.000	25.000	-	15.000	15.000	-	5.000	-	
1	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS xã Đăk Ô (hạng mục đường từ thôn cây Đa, xã Phú Văn đến thôn Đăk Á,xã Bù Gia Mập)	1759/QĐ-UBND ngày 22/8/2019	48.000	25.000	48.000	25.000		15.000	15.000		5.000		UBND huyện Bù Gia Mập

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MÔ CỘNG ĐỒNG TÀI NGUYÊN NSTW NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/QH12 ngày 16 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	180.230		
I	Huyện Lộc Ninh	39.600		
1	Xã Lộc Thiện	9.000		Về đích 2020
2	Xã Lộc An	9.000		Về đích 2020
3	Xã Lộc Thành	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
4	Xã Lộc Quang	6.000		Xã ĐBKK
5	Xã Lộc Phú	6.000		Xã ĐBKK
II	Huyện Đồng Phú	18.000		
1	Xã Đồng Tâm	9.000		Về đích 2020
2	Xã Thuận Lợi	9.000		Về đích 2020
III	Huyện Chơn Thành	18.000		
1	Xã Quang Minh	9.000		Về đích 2020
2	Xã Nha Bích	9.000		Về đích 2020
IV	Huyện Hớn Quản	18.000		
1	Xã Phước An	9.000		Về đích 2020
2	Xã Tân Quan	9.000		Về đích 2020
V	Huyện Bù Đăng	24.000		
1	Xã Bình Minh	9.000		Về đích 2020
2	Xã Nghĩa Trung	9.000		Về đích 2020
3	Xã Đường 10	6.000		Xã ĐBKK
VI	Huyện Bù Đốp	24.330		

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	Xã Thanh Hòa	8.730		Về đích 2020
2	Xã Hưng Phước	6.000		Xã ĐBKK
3	Xã Phước Thiện	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
VII	Huyện Phú Riềng	8.700		
1	Xã Bình Tân	8.700		Về đích 2020
VIII	Huyện Bù Gia Mập	21.600		
1	Xã Đăk Ô	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
3	Xã Bù Gia Mập	6.000		Xã ĐBKK
4	Xã Phú Văn	6.000		Xã ĐBKK
IX	Hỗ trợ Đề án về mô hình bảo vệ môi trường	4.000	UBND huyện Lộc Ninh	HĐND đã có Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2019
X	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	4.000	Liên minh HTX	HĐND đã có Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2019

*Ghi chú: Giao Ủy ban nhân dân các huyện giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.



Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

Ban hành theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao đến hết năm 2019						Kế hoạch năm 2020						Chủ đầu tư												
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSDP)	Tinh bằng nguyên tệ (ngàn USD)	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSDP)	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSDP)	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSDP)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)											
						Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
																									Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:		
																									Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại
	TỔNG SỐ		566.146	54.215	20.338	511.931	376.351	135.579	142.953	35.500	107.453	60.000	47.453	99.130	35.404	63.726	40.000	23.726	43.700	43.700	20.000	23.700											
1	Dự án đã ký hiệp định vay với nhà tài trợ để nghị bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn và vốn năm 2020		566.146	54.215	20.338	511.931	376.351	135.579	142.953	35.500	107.453	60.000	47.453	99.130	35.404	63.726	40.000	23.726	43.700	43.700	20.000	23.700											
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017	495.558	43.627	20.338	451.931	316.351	135.579	72.453	25.000	47.453		47.453	48.630	24.904	23.726		23.726	23.700	23.700			23.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh									
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020, vốn ODA do EU tài trợ.	2090/QĐ-UBND ngày 05/9/2018	70.588	10.588		60.000	60.000		70.500	10.500	60.000	60.000		50.500	10.500	40.000	40.000		20.000	20.000	20.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh									